

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi						Kết quả
						Ngoại ngữ		Tin học		KT Chung		
						SCĐ	tỉ lệ %	SCĐ	tỉ lệ%	SCĐ	tỉ lệ %	
1	0001	Hoàng Lan Anh	21/04/1997	Nữ	Kinh	09	30	21	70	33	55	K
2	0002	Ngô Như Quỳnh Anh	25/11/1993	Nữ	Kinh	13	43	19	63	30	50	K
3	0003	Nguyễn Duy Anh	15/02/1991	Nam	Kinh	09	30	18	60	25	42	K
4	0004	Nguyễn Hoàng Anh	20/02/1987	Nam	Kinh	19	63	18	60	27	45	K
5	0005	Nguyễn Thị Lan Anh	01/06/1995	Nữ	Kinh	21	70	26	87	40	67	Đ
6	0006	Nguyễn Thị Ánh	29/07/1994	Nữ	Kinh	12	40	21	70	34	57	K
7	0007	Trần Thị Ngọc Ánh	06/03/1995	Nữ	Kinh	22	73	22	73	30	50	Đ
8	0008	Bùi Thanh Bình	07/12/1992	Nam	Mường	MT		19	63	27	45	K
9	0009	Sùng Y Ca	20/03/1994	Nữ	H'Mông	MT		26	87	38	63	Đ
10	0010	Đỗ Hữu Cảnh	06/04/1985	Nam	Kinh	09	30	MT		28	47	K
11	0011	Bùi Thị Chinh	29/08/1988	Nữ	Mường	MT		25	83	37	62	Đ
12	0012	Bùi Thị Chinh	30/09/1994	Nữ	Mường	MT		19	63	47	78	Đ
13	0013	Bùi Đức Chính	18/03/1995	Nam	Mường	MT		20	67	27	45	K
14	0014	Bùi Văn Chur	14/07/1991	Nam	Mường	MT		18	60	27	45	K
15	0015	Hoàng Thành Công	11/02/1987	Nam	Mường	MT		20	67	26	43	K
16	0016	Trần Thị Cúc	27/06/1997	Nữ	Kinh	20	67	26	87	42	70	Đ
17	0017	Bùi Thị Hồng Dung	28/05/1991	Nữ	Mường	MT		23	77	28	47	K
18	0018	Bùi Thị Mỹ Dung	10/11/1995	Nữ	Mường	MT		17	57	28	47	K
19	0019	Bùi Thị Dung	01/10/1994	Nữ	Mường	MT		26	87	43	72	Đ
20	0020	Nguyễn Thùy Dung	14/09/1989	Nữ	Kinh	MT		BT		BT		K
21	0021	Bùi Mạnh Dũng	12/09/1987	Nam	Kinh	BT		BT		BT		K
22	0022	Bùi Văn Dũng	12/11/1990	Nam	Mường	MT		19	63	43	72	Đ
23	0023	Hà Văn Duy	13/02/1993	Nam	Tày	MT		22	73	38	63	Đ
24	0024	Nguyễn Đức Duy	10/03/1994	Nam	Mường	MT		22	73	43	72	Đ
25	0025	Hà Thị Duyên	16/08/1985	Nữ	Mường	MT		18	60	25	42	K
26	0026	Nguyễn Thị Dương	19/06/1995	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
27	0027	Bùi Văn Đạo	03/09/1988	Nam	Mường	MT		23	77	33	55	Đ

Ghi chú: SCĐ: Số câu đúng; MT: Miễn thi; BT: Bỏ thi; Đ: Được dự thi vòng 2; K: Không được dự thi vòng 2;

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Thư ký



Bùi Văn Phong



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi						Kết quả
						Ngoại ngữ		Tin học		KT Chung		
						SCĐ	tỉ lệ %	SCĐ	tỉ lệ%	SCĐ	tỉ lệ %	
1	0028	Quách Văn Đạt	18/12/1995	Nam	Mường	MT		17	57	24	40	K
2	0029	Bùi Thị Điệp	19/06/1989	Nữ	Mường	MT		20	67	43	72	Đ
3	0030	Nguyễn Thị Điệp	27/07/1991	Nữ	Mường	MT		22	73	28	47	K
4	0031	Nguyễn Công Đức	22/09/1997	Nam	Tày	MT		24	80	42	70	Đ
5	0032	Bùi Văn Được	15/02/1993	Nam	Mường	MT		26	87	46	77	Đ
6	0033	Bùi Thị Thu Hà	27/11/1992	Nữ	Mường	MT		24	80	28	47	K
7	0034	Đỗ Việt Hà	15/01/1996	Nam	Kinh	11	37	21	70	38	63	K
8	0035	Nguyễn Thị Thu Hà	03/05/1988	Nữ	Kinh	17	57	16	53	24	40	K
9	0036	Nguyễn Thị Hà	23/05/1991	Nữ	Kinh	19	63	22	73	44	73	Đ
10	0037	Quách Thị Hà	12/02/1991	Nữ	Mường	MT		BT		BT		K
11	0038	Lê Văn Hải	15/10/1991	Nam	Mường	MT		MT		33	55	Đ
12	0039	Bùi Thị Hạnh	14/09/1996	Nữ	Mường	MT		23	77	40	67	Đ
13	0040	Hà Mỹ Hạnh	05/08/1998	Nữ	Mường	MT		BT		BT		K
14	0041	Lý Văn Hạnh	08/02/1992	Nam	Dao	MT		22	73	38	63	Đ
15	0042	Trịnh Thị Hào	26/04/1987	Nữ	Kinh	MT		21	70	38	63	Đ
16	0043	Bùi Thị Diễm Hằng	23/04/1993	Nữ	Mường	MT		27	90	41	68	Đ
17	0044	Bùi Thị Thu Hằng	17/08/1990	Nữ	Mường	MT		27	90	36	60	Đ
18	0045	Nguyễn Thị Việt Hằng	17/08/1990	Nữ	Kinh	13	43	17	57	21	35	K
19	0046	Trần Thị Hằng	09/08/1985	Nữ	Kinh	MT		16	53	29	48	K
20	0047	Nguyễn Thị Hậu	05/03/1992	Nữ	Mường	MT		17	57	32	53	Đ
21	0048	Bùi Thị Hiền	01/08/1997	Nữ	Mường	MT		MT		39	65	Đ
22	0049	Hoàng Thị Thu Hiền	11/01/1986	Nữ	Tày	MT		22	73	38	63	Đ
23	0050	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/01/1996	Nữ	Kinh	MT		28	93	57	95	Đ
24	0051	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Kinh	15	50	21	70	33	55	Đ
25	0052	Bùi Thị Hiểu	20/09/1990	Nữ	Mường	MT		26	87	40	67	Đ
26	0053	Trần Đình Hiếu	16/11/1991	Nam	Kinh	19	63	28	93	44	73	Đ
27	0054	Bùi Như Hoa	29/04/1989	Nữ	Mường	MT		26	87	32	53	Đ

Ghi chú: SCĐ: Số câu đúng; MT: Miễn thi; BT: Bỏ thi; Đ: Được dự thi vòng 2; K: Không được dự thi vòng 2;

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Thư ký



Bùi Văn Phong



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi						Kết quả
						Ngoại ngữ		Tin học		KT Chung		
						SCĐ	tỉ lệ %	SCĐ	tỉ lệ%	SCĐ	tỉ lệ %	
1	0055	Đinh Thị Hoa	23/01/1992	Nữ	Mường	MT		24	80	39	65	Đ
2	0056	Hoàng Thị Hoa	30/06/1992	Nữ	Kinh	16	53	17	57	37	62	Đ
3	0057	Bùi Thị Thanh Hòa	15/06/1991	Nữ	Mường	MT		27	90	40	67	Đ
4	0058	Đỗ Thị Hòa	01/06/1994	Nữ	Kinh	23	77	22	73	40	67	Đ
5	0059	Trịnh Thị Thu Hoài	10/11/1987	Nữ	Kinh	16	53	22	73	35	58	Đ
6	0060	Hoàng Thanh Hoàn	24/10/1990	Nữ	Kinh	BT		MT		BT		K
7	0061	Bàn Văn Hồng	22/05/1985	Nam	Dao	MT		28	93	42	70	Đ
8	0062	Vì Thị Huê	21/09/1991	Nữ	Thái	MT		22	73	51	85	Đ
9	0063	Nguyễn Việt Hùng	08/06/1996	Nam	Kinh	12	40	18	60	32	53	K
10	0064	Đặng Thị Thanh Huyền	09/09/1994	Nữ	Kinh	10	33	23	77	32	53	K
11	0065	Đinh Thị Huyền	24/07/1993	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
12	0066	Kiều Thị Thanh Huyền	19/02/1997	Nữ	Kinh	17	57	20	67	36	60	Đ
13	0067	Nguyễn Thu Huyền	24/01/1991	Nữ	Kinh	15	50	26	87	39	65	Đ
14	0068	Bùi Thị Hương	09/04/1986	Nữ	Mường	MT		19	63	38	63	Đ
15	0069	Bùi Thị Hương	14/02/1992	Nữ	Mường	MT		17	57	24	40	K
16	0070	Đỗ Thị Lan Hương	20/06/1996	Nữ	Kinh	MT		26	87	43	72	Đ
17	0071	Lê Thị Lan Hương	03/04/1996	Nữ	Kinh	21	70	20	67	31	52	Đ
18	0072	Nguyễn Thị Hương	24/11/1994	Nữ	Kinh	15	50	20	67	32	53	Đ
19	0073	Bùi Thu Hường	17/03/1994	Nữ	Mường	MT		23	77	29	48	K
20	0074	Nguyễn Thị Hường	21/12/1996	Nữ	Kinh	08	27	16	53	32	53	K
21	0075	Nguyễn Duy Khánh	02/08/1996	Nam	Mường	MT		BT		BT		K
22	0076	Bùi Văn Khuân	05/12/1986	Nam	Mường	MT		18	60	27	45	K
23	0077	Bùi Thị Khuyên	27/03/1995	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
24	0078	Đinh Thị Kiên	16/08/1994	Nữ	Mường	MT		17	57	32	53	Đ
25	0079	Đinh Thị Lan	29/07/1990	Nữ	Mường	MT		21	70	32	53	Đ
26	0080	Khà Thị Lan	25/02/1995	Nữ	Thái	MT		19	63	34	57	Đ
27	0081	Phạm Ngọc Lan	12/03/1987	Nữ	Kinh	17	57	25	83	40	67	Đ

Ghi chú: SCĐ: Số câu đúng; MT: Miễn thi; BT: Bỏ thi; Đ: Được dự thi vòng 2; K: Không được dự thi vòng 2;

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Thư ký



Bùi Văn Phong



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyến

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi						Kết quả
						Ngoại ngữ		Tin học		KT Chung		
						SCĐ	tỉ lệ %	SCĐ	tỉ lệ%	SCĐ	tỉ lệ %	
1	0082	Nguyễn Tùng Lâm	17/07/1997	Nam	Kinh	MT		26	87	54	90	Đ
2	0083	Đinh Thị Lân	27/07/1993	Nữ	Mường	MT		16	53	35	58	Đ
3	0084	Nguyễn Thị Len	02/09/1995	Nữ	Kinh	13	43	22	73	38	63	K
4	0085	Nguyễn Thị Ngọc Liên	01/09/1987	Nữ	Kinh	15	50	28	93	42	70	Đ
5	0086	Nguyễn Tú Liên	08/01/1998	Nữ	Kinh	15	50	25	83	34	57	Đ
6	0087	Hà Văn Linh	07/05/1990	Nam	Thái	MT		28	93	34	57	Đ
7	0088	Ngô Thị Diệu Linh	09/12/1995	Nữ	Kinh	MT		27	90	33	55	Đ
8	0089	Bùi Thị Thanh Loan	22/04/1990	Nữ	Mường	MT		BT		BT		K
9	0090	Phạm Thị Kim Loan	26/01/1992	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
10	0091	Trần Thị Mai Loan	28/05/1989	Nữ	Kinh	15	50	29	97	38	63	Đ
11	0092	Hà Văn Luận	14/04/1988	Nam	Tày	MT		MT		33	55	Đ
12	0093	Nguyễn Thị Lương	25/12/1997	Nữ	Kinh	13	43	28	93	39	65	K
13	0094	Xa Văn Lượng	08/05/1991	Nam	Tày	MT		15	50	29	48	K
14	0095	Hoàng Thị Lưu	10/03/1987	Nữ	Mường	MT		25	83	31	52	Đ
15	0096	Cao Thị Ngọc Ly	09/03/1993	Nữ	Kinh	MT		22	73	28	47	K
16	0097	Bùi Thị Mai	11/11/1987	Nữ	Mường	MT		16	53	25	42	K
17	0098	Nguyễn Thị Mai	21/01/1991	Nữ	Mường	MT		13	43	29	48	K
18	0099	Lò Thị May	12/06/1993	Nữ	Thái	MT		20	67	33	55	Đ
19	0100	Trần Thị Ngọc Minh	01/05/1996	Nữ	Kinh	21	70	19	63	27	45	K
20	0101	Lìa Thị Mổ	08/10/1992	Nữ	H'Mông	MT		15	50	33	55	Đ
21	0102	Bùi Văn Mùi	08/11/1991	Nam	Mường	MT		24	80	37	62	Đ
22	0103	Nguyễn Doãn Mừng	01/02/1993	Nam	Kinh	06	20	15	50	25	42	K
23	0104	Lê Minh Nam	12/11/1994	Nam	Kinh	08	27	14	47	26	43	K
24	0105	Lý Thị Nga	09/12/1995	Nữ	Dao	MT		18	60	28	47	K
25	0106	Đinh Thị Ngân	18/08/1996	Nữ	Mường	MT		17	57	45	75	Đ
26	0107	Nguyễn Thị Hồng Ngân	03/08/1990	Nữ	Kinh	15	50	25	83	40	67	Đ
27	0108	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/04/1990	Nữ	Kinh	16	53	21	70	38	63	Đ

Ghi chú: SCĐ: Số câu đúng; MT: Miễn thi; BT: Bỏ thi; Đ: Được dự thi vòng 2; K: Không được dự thi vòng 2;

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thư ký



Bùi Văn Phong



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi						Kết quả
						Ngoại ngữ		Tin học		KT Chung		
						SCĐ	tỉ lệ %	SCĐ	tỉ lệ%	SCĐ	tỉ lệ %	
1	0109	Lê Thị Bích Ngọc	29/05/1995	Nữ	Thổ	MT		18	60	27	45	K
2	0110	Trần Thị Bích Ngọc	10/04/1997	Nữ	Kinh	24	80	25	83	49	82	Đ
3	0111	Bùi Thị Nguyên	17/02/1986	Nữ	Mường	MT		24	80	37	62	Đ
4	0112	Đinh Thị Thanh Nhân	01/05/1990	Nữ	Kinh	17	57	23	77	34	57	Đ
5	0113	Bùi Mỹ Nhạn	26/04/1992	Nữ	Mường	MT		19	63	28	47	K
6	0114	Bùi Văn Sỹ Nhật	27/07/1992	Nam	Mường	MT		28	93	50	83	Đ
7	0115	Hoàng Hồng Nhung	07/01/1997	Nữ	Mường	MT		25	83	46	77	Đ
8	0116	Nguyễn Thị Nhung	03/06/1995	Nữ	Kinh	19	63	22	73	38	63	Đ
9	0117	Trần Tuệ Ninh	20/06/1989	Nữ	Kinh	13	43	23	77	41	68	K
10	0118	Nông Thị Nụ	08/06/1994	Nữ	Tày	MT		21	70	32	53	Đ
11	0119	Bùi Thị Oanh	25/12/1986	Nữ	Mường	MT		MT		26	43	K
12	0120	Đinh Thị Kiều Oanh	06/10/1996	Nữ	Mường	MT		23	77	25	42	K
13	0121	Đặng Thị Phương	20/10/1997	Nữ	Dao	MT		BT		BT		K
14	0122	Đinh Thị Phương	04/05/1990	Nữ	Kinh	23	77	23	77	33	55	Đ
15	0123	Đỗ Thị Bạch Phương	19/05/1989	Nữ	Mường	MT		19	63	32	53	Đ
16	0124	Lê Thị Phương	01/11/1997	Nữ	Kinh	23	77	25	83	37	62	Đ
17	0125	Nguyễn Thị Hạnh Phương	30/05/1998	Nữ	Kinh	15	50	14	47	28	47	K
18	0126	Nguyễn Thị Thanh Phương	08/12/1992	Nữ	Kinh	21	70	25	83	34	57	Đ
19	0127	Nguyễn Thị Phương	10/11/1991	Nữ	Kinh	16	53	28	93	46	77	Đ
20	0128	Bùi Tiến Quân	16/10/1991	Nam	Mường	MT		24	80	42	70	Đ
21	0129	Bùi Thị Quê	01/10/1992	Nữ	Mường	MT		24	80	31	52	Đ
22	0130	Bùi Thị Quế	27/12/1990	Nữ	Mường	MT		13	43	39	65	K
23	0131	Bùi Thị Quyên	27/07/1990	Nữ	Mường	MT		25	83	43	72	Đ
24	0132	Nguyễn Thị Quyết	05/10/1987	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
25	0133	Đinh Thị Lâm Quỳnh	26/06/1997	Nữ	Mường	MT		25	83	31	52	Đ
26	0134	Bùi Thị Hồng Sim	25/03/1991	Nữ	Mường	MT		18	60	27	45	K
27	0135	Bùi Thị Sinh	15/09/1987	Nữ	Mường	MT		17	57	32	53	Đ

Ghi chú: SCĐ: Số câu đúng; MT: Miễn thi; BT: Bỏ thi; Đ: Được dự thi vòng 2; K: Không được dự thi vòng 2;

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyến

Thư ký

Bùi Văn Phong

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi						Kết quả
						Ngoại ngữ		Tin học		KT Chung		
						SCĐ	tỉ lệ %	SCĐ	tỉ lệ%	SCĐ	tỉ lệ %	
1	0136	Hà Thị So	29/08/1996	Nữ	Thái	MT		20	67	41	68	Đ
2	0137	Hồ A Sò	17/09/1997	Nam	H'Mông	MT		BT		BT		K
3	0138	Vũ Văn Sơn	10/06/1994	Nam	Kinh	12	40	22	73	40	67	K
4	0139	Đinh Thị Tâm	17/01/1991	Nữ	Mường	MT		16	53	24	40	K
5	0140	Bùi Tuấn Thành	02/09/1997	Nam	Mường	MT		12	40	25	42	K
6	0141	Bùi Kim Thảo	04/09/1994	Nữ	Mường	MT		26	87	45	75	Đ
7	0142	Bùi Phương Thảo	04/10/1993	Nữ	Mường	MT		21	70	38	63	Đ
8	0143	Bùi Thị Thảo	02/01/1993	Nữ	Mường	MT		18	60	32	53	Đ
9	0144	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/11/1989	Nữ	Kinh	17	57	21	70	33	55	Đ
10	0145	Nguyễn Thị Thắm	18/06/1993	Nữ	Kinh	20	67	22	73	31	52	Đ
11	0146	Đặng Việt Thắng	19/08/1998	Nam	Mường	MT		23	77	26	43	K
12	0147	Quách Thị Thơm	01/02/1989	Nữ	Mường	MT		21	70	31	52	Đ
13	0148	Lại Thị Hồng Thu	23/03/1992	Nữ	Kinh	15	50	21	70	39	65	Đ
14	0149	Nguyễn Phương Thu	02/11/1983	Nữ	Kinh	24	80	21	70	34	57	Đ
15	0150	Nguyễn Thị Hồng Thu	28/12/1991	Nữ	Kinh	MT		22	73	34	57	Đ
16	0151	Bùi Quang Thuận	20/05/1992	Nam	Mường	MT		16	53	22	37	K
17	0152	Bùi Thị Thủy	16/12/1994	Nữ	Mường	MT		21	70	47	78	Đ
18	0153	Hồ Thu Thủy	21/01/1995	Nữ	Kinh	MT		21	70	31	52	Đ
19	0154	Lương Thanh Thủy	01/06/1987	Nữ	Kinh	15	50	22	73	39	65	Đ
20	0155	Nguyễn Thị Thủy	25/08/1988	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
21	0156	Phạm Thị Thanh Thủy	11/09/1998	Nữ	Kinh	15	50	16	53	28	47	K
22	0157	Trương Thị Thúy	11/03/1989	Nữ	Mường	MT		23	77	34	57	Đ
23	0158	Nguyễn Thị Thương	20/05/1991	Nữ	Kinh	19	63	24	80	36	60	Đ
24	0159	Bùi Văn Tiến	27/12/1993	Nam	Mường	MT		20	67	24	40	K
25	0160	Bùi Văn Tình	22/12/1994	Nam	Mường	MT		07	23	16	27	K
26	0161	Bùi Mạnh Toàn	09/07/1989	Nam	Mường	MT		19	63	29	48	K
27	0162	Bùi Thị Minh Trang	30/07/1997	Nữ	Mường	MT		15	50	31	52	Đ

Ghi chú: SCĐ: Số câu đúng; MT: Miễn thi; BT: Bỏ thi; Đ: Được dự thi vòng 2; K: Không được dự thi vòng 2;

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Thư ký



Bùi Văn Phong



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi						Kết quả
						Ngoại ngữ		Tin học		KT Chung		
						SCĐ	tỉ lệ %	SCĐ	tỉ lệ%	SCĐ	tỉ lệ %	
1	0163	Bùi Thị Trang	01/05/1990	Nữ	Mường	MT		28	93	45	75	Đ
2	0164	Hoàng Huyền Trang	26/09/1994	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
3	0165	Nguyễn Thị Trang	06/05/1985	Nữ	Kinh	BT		BT		BT		K
4	0166	Nguyễn Thị Trang	30/10/1994	Nữ	Kinh	15	50	20	67	35	58	Đ
5	0167	Phạm Thị Trang	07/03/1990	Nữ	Kinh	12	40	27	90	34	57	K
6	0168	Quách Thị Trang	02/04/1990	Nữ	Mường	MT		22	73	31	52	Đ
7	0169	Trần Thị Thùy Trang	24/02/1996	Nữ	Kinh	22	73	23	77	36	60	Đ
8	0170	Đào Duy Tuấn	12/10/1994	Nam	Kinh	MT		18	60	19	32	K
9	0171	Lưu Văn Tuấn	26/09/1989	Nam	Kinh	13	43	22	73	34	57	K
10	0172	Trịnh Văn Tuấn	26/09/1994	Nam	Kinh	15	50	22	73	45	75	Đ
11	0173	Bùi Thị Tuất	24/12/1994	Nữ	Mường	MT		29	97	35	58	Đ
12	0174	Quách Văn Tùng	06/06/1995	Nam	Mường	MT		15	50	26	43	K
13	0175	Bùi Văn Tuyên	20/04/1989	Nam	Mường	MT		21	70	31	52	Đ
14	0176	Vũ Thị Tuyền	28/11/1994	Nữ	Kinh	13	43	19	63	42	70	K
15	0177	Bùi Thị Vân	28/08/1995	Nữ	Mường	MT		22	73	46	77	Đ
16	0178	Đinh Thị Vân	20/12/1993	Nữ	Mường	MT		18	60	37	62	Đ
17	0179	Trần Thị Hải Vân	29/10/1993	Nữ	Mường	MT		21	70	30	50	Đ
18	0180	Nguyễn Văn Việt	17/03/1995	Nam	Kinh	09	30	14	47	17	28	K
19	0181	Phan Anh Vũ	21/05/1995	Nam	Thổ	MT		20	67	27	45	K
20	0182	Quách Thị Vượng	12/06/1995	Nữ	Mường	MT		22	73	40	67	Đ
21	0183	Hà Văn Yên	19/12/1994	Nam	Tày	MT		19	63	33	55	Đ
22	0184	Bùi Thị Như Yến	04/09/1992	Nữ	Mường	MT		29	97	37	62	Đ
23	0185	Hà Thị Yến	06/10/1995	Nữ	Thái	MT		BT		BT		K
24	0186	Nguyễn Thị Yến	08/11/1992	Nữ	Kinh	17	57	20	67	45	75	Đ
25	0187	Nguyễn Thị Yến	29/09/1997	Nữ	Kinh	22	73	25	83	39	65	Đ
26	0188	Nguyễn Thị Yến	30/10/1994	Nữ	Kinh	22	73	26	87	38	63	Đ

Ghi chú: SCĐ: Số câu đúng; MT: Miễn thi; BT: Bỏ thi; Đ: Được dự thi vòng 2; K: Không được dự thi vòng 2;

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thư ký



Bùi Văn Phong



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyền